

Số: *74/104*/CT-TTHT  
V/v trả lời chính sách

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2016

Kính gửi: Công ty cổ phần Dệt Công Nghiệp Hà Nội

(Địa chỉ: 93 Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội – Mã số thuế: 0103169512)

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn hỏi số 241/CVDCN ngày 17/10/2016 của Công ty cổ phần Dệt Công Nghiệp Hà Nội (sau đây gọi là công ty) hỏi việc chỉ dẫn cách tính thuế TNCN, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

+ Tại Khoản 2 Điều 2 quy định các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công phải chịu thuế thu nhập cá nhân như sau:

*"2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công*

*Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:*

*a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.*

*b) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản phụ cấp..."*

+ Tại Điểm k Khoản 1 Điều 3 quy định việc các khoản thu nhập được miễn thuế đã hướng dẫn:

*"k) Tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội trả theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; tiền lương hưu nhận được hàng tháng từ Quỹ hưu trí tự nguyện.*

*Cá nhân sinh sống, làm việc tại Việt Nam được miễn thuế đối với tiền lương hưu được trả từ nước ngoài."*

+ Tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 quy định về kính tính thuế như sau:

*"Điều 6. Kỳ tính thuế*

*1. Đối với cá nhân cư trú*

*a) Kỳ tính thuế theo năm: áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh và thu nhập từ tiền lương, tiền công*

*Trường hợp trong năm dương lịch, cá nhân có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên thì kỳ tính thuế được tính theo năm dương lịch...."*

+ Tại Khoản 2 Điều 8 hướng dẫn về việc xác định thu nhập chịu thuế từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công đã nêu:

*"2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công*

*a) Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công được xác định bằng tổng số tiền lương, tiền công, tiền thù lao, các khoản thu nhập khác có tính chất tiền*



lương, tiền công mà người nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 2 Thông tư này.

b) Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế.

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế...”

+ Tại Điều 9 quy định về các khoản giảm trừ.

+ Tại Điều 26 quy định về việc khai thuế và quyết toán thuế

“2. Khai thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh

...d) Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay trong các trường hợp sau:

d.1) Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên tại một đơn vị và thực tế đang làm việc ở đơn vị tại thời điểm ủy quyền quyết toán, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm...

đ) Tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân đối với phần thu nhập từ tiền lương, tiền công mà cá nhân nhận được từ tổ chức, cá nhân trả thu nhập.”

+ Tại Điều 7 quy định căn cứ tính thuế đối với thu nhập chịu thuế từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công:

“Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh và thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập tính thuế và thuế suất, cụ thể như sau:

1. Thu nhập tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này trừ (-) các khoản giảm trừ...

2. Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công được áp dụng theo Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân...

3. Cách tính thuế

Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công là tổng số thuế tính theo từng bậc thu nhập. Số thuế tính theo từng bậc thu nhập bằng thu nhập tính thuế của bậc thu nhập nhân (x) với thuế suất tương ứng của bậc thu nhập đó...”

- Căn cứ Điều 16 Thông tư số 156/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ:

“Điều 16. Khai thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân

2. Khai thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công; cá nhân có thu nhập từ kinh doanh

a) Nguyên tắc khai thuế

a.4) Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay trong các trường hợp sau:

- Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập và thực tế đang

làm việc tại đó vào thời điểm uỷ quyền quyết toán, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 (mười hai) tháng trong năm.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm uỷ quyền quyết toán, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 (mười hai) tháng trong năm, đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác, thu nhập từ cho thuê nhà, quyền sử dụng đất hướng dẫn tại tiết a.3, khoản này.

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân đối với phần thu nhập từ tiền lương, tiền công mà cá nhân nhận được từ tổ chức, cá nhân trả thu nhập.

**b.2) Hồ sơ khai quyết toán**

b.2.1) Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ đại lý bảo hiểm; thu nhập từ đại lý xổ số; thu nhập từ bán hàng đa cấp khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo mẫu sau:

- Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 09/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này.

- Phụ lục mẫu số 09-1/PL-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này.

- Phụ lục mẫu số 09-3/PL-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này nếu có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc.

- Phụ lục mẫu số 09-4/PL-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này.

- Bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên bản chụp đó.

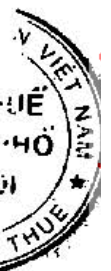
Trường hợp, theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.

- Bản chụp các hoá đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có).

- Trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài phải có tài liệu chứng minh hoặc xác nhận về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài kèm theo Thư xác nhận thu nhập năm mẫu số 20/TXN-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này."

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty cổ phần Dệt Công Nghiệp Hà Nội có sử dụng những lao động như sau:

- Ông Nguyễn Văn A đã nghỉ hưu từ ngày 31/12/2015 (hưởng lương hưu do BHXH trả) và ký hợp đồng lao động làm việc tại công ty với thời hạn 12 tháng có mức thu nhập như đã ký kết trong hợp đồng. Đối với trường hợp này thì ông Nguyễn Văn A được thực hiện kê khai với kỳ tính thuế theo năm dương lịch và tính thuế TNCN theo Biểu thuế lũy tiến từng phần theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 nêu trên. Khoản tiền lương



hưu của ông Nguyễn Văn A là khoản thu nhập được miễn thuế theo quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

- Bà Nguyễn Thị B có thời gian làm việc tại công ty từ tháng 01 đến hết tháng 05/2016 và nghỉ hưu. Bà Nguyễn Thị B thực hiện kê khai với kỳ tính thuế theo năm dương lịch và tính thuế TNCN theo Biểu thuế lũy tiến từng phần theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 nêu trên. Khoản lương hưu do BHXH chi trả kể từ tháng 6/2016 là khoản thu nhập được miễn thuế theo quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

Hai trường hợp nêu trên là các đối tượng lao động ký kết hợp đồng lao động làm việc tại công ty trên 03 tháng và chỉ có một nguồn thu từ công ty vì vậy được ủy quyền cho Công ty cổ phần Dệt Công Nghiệp Hà Nội thực hiện kê khai quyết toán thuế theo quy định tại Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013. Hồ sơ kê khai quyết toán thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

Cục thuế TP Hà Nội thông báo Công ty cổ phần Dệt Công Nghiệp Hà Nội được biết và thực hiện. *h*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 2;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). *(b1 b7)*



**Mai Sơn**